

Modern Physics

AP Physics 2 · Vocabulary

English	中文	Pinyin
 quanta	量子	liàng zǐ
 photons	光子	guāng zi
 Wave-particle duality	波粒二象性	bō lì èr xiàng xìng
double-slit experiment	双缝实验	shuāng fèng shí yàn
 Bohr model	玻尔模型	bō ěr mó xíng
 energy levels	能级	néng jí
 emission spectrum	发射光谱	fā shè guāng pǔ
 absorption spectrum	吸收光谱	xī shōu guāng pǔ
 blackbody	黑体	hēi tǐ
 photoelectric effect	光电效应	guāng diàn xiào yìng
 work function	逸出功	yì chū gōng
 Compton scattering	康普顿散射	kāng pǔ dùn sǎn shè
 nucleus	原子核	yuán zǐ hé
 Fission	裂变	liè biàn
 Fusion	聚变	jù biàn
 radioactive decay	放射性衰变	fàng shè xìng shuāi biàn
 Alpha decay	阿尔法衰变	ā ěr fǎ shuāi biàn
 Beta decay	贝塔衰变	bèi tǎ shuāi biàn
 Gamma decay	伽马衰变	gā mǎ shuāi biàn
 half-life	半衰期	bàn shuāi qī